
MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET

Ngày 06/02/2016, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã cấp Quyết định Niêm yết số **29/QĐ-SGDHCM** cho phép Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Ngày 28/02/2017, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet sẽ chính thức giao dịch với mã chứng khoán là **VJC**. Để giúp quý độc giả có thêm thông tin, SGDCK TPHCM xin giới thiệu một số nét chính về lịch sử thành lập, quá trình hoạt động, những kết quả kinh doanh đáng chú ý của CTCP Hàng không Vietjet trong thời gian qua.

Tên gọi: Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet

Tên Tiếng anh: VIETJET AVIATION JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: VIETJET JSC

Trụ sở chính: ĐN1, nhà 2C, khu Đoàn ngoại giao Vạn Phúc, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3728 1828

Fax: (84-4) 3728 1838

Website: www.vietjetair.com

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102325399 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 23/07/2007 và thay đổi lần thứ 22 ngày 16/01/2017

Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không số 04/2016/GPKDVCHK cấp ngày 30/12/2016

Vốn Điều lệ: **3.000.000.000.000 đồng** (*bằng chữ: Ba nghìn tỷ đồng*)

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Công ty được thành lập ngày 23/07/2007 với mục tiêu thực hiện hoạt động khai thác vận chuyển hàng không mô hình hàng không thể hệ mới chi phí thấp cung cấp dịch vụ theo nhu cầu của hành khách.

Ngày 24/12/2011, VietJet thực hiện chuyến bay thương mại đầu tiên từ Tp.Hồ Chí Minh đi Hà Nội. Ngày 10/2/2013, VietJet thực hiện chuyến bay quốc tế đầu tiên từ Tp.Hồ Chí Minh đến Bangkok, Thái Lan. Thông qua chiến lược kinh doanh theo mô hình LCC, Công ty đã phát triển thành hãng hàng không chi phí thấp lớn nhất và hãng hàng không lớn thứ 2 tại Việt Nam vào thời điểm 30/06/2016 tính theo thị phần, tương đương khoảng 41% so với 42% của Vietnam Airlines trong cả năm 2016.

2. Quá trình tăng vốn điều lệ Công ty:

Vốn điều lệ khi thành lập của Công ty năm 2007 là 600 tỷ đồng. Công ty tăng vốn điều lệ 06 lần, đến nay vốn điều lệ của Công ty là 3.000 tỷ đồng.

3. Phạm vi và lĩnh vực hoạt động của Công ty

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102325399 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 23/07/2007 và thay đổi lần thứ 22 ngày 16/01/2017, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm các lĩnh vực kinh doanh chính:

- a. Vận tải hành khách hàng không;
- b. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

- c. Quảng cáo
- d. Kinh doanh BĐS;
- e. Vận tải hành khách đường bộ khác;
- f. Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- g. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- h. Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- i. Vận tải hàng hóa hàng không;
- j. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không;
- k. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

4. Cơ cấu tổ chức

Công ty hiện nay có 01 chi nhánh tại miền Trung, 02 phòng vé tại Hà Nội và TP.HCM, 01 văn phòng đại diện tại TP.HCM.

Công ty có 01 công ty nắm quyền kiểm soát là CTCP Vietjet Cargo (vốn điều lệ 10 tỷ đồng, giá trị vốn góp của Vietjet là 9 tỷ đồng).

5. Cơ cấu cổ đông của Công ty

Theo Sổ cổ đông chốt ngày **12/01/2017**, công ty có **664** cổ đông trong đó 03 cổ đông lớn nắm giữ **114.413.676** cổ phiếu chiếm **38,14%**. Cổ đông nước ngoài nắm giữ **73.165.527** cổ phiếu chiếm **24,39%**

6. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% tại ngày 12/01/2017:

ST T	Tên cá nhân/Tổ chức	Địa chỉ	Số lượng, tỷ lệ sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ
1	Công ty TNHH Đầu tư Hướng Dương Sunny	Lầu 10, số 58 Nguyễn Đình Chiều, P. Đa Kao, Quận 1, TP. HCM	69.719.179	23,24%
2	Nguyễn Phương Thảo	Thị Số 52 Ngô Thì Nhậm, Phường Ngô Thì Nhậm, Quận Hai Bà	28.256.497	9,42%
3	Government Singapore	of 168 Robinson Road, #37-01 Capital Tower, Singapore 068912	16.438.000	5,48%
Tổng cộng			114.413.676	38,14%

7. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

VietJet là hãng hàng không có thị phần nội địa đứng thứ 2, tương đương khoảng 41% so với 42% của Vietnam Airlines, dựa trên số lượt hành khách di chuyển trong Việt Nam được vận chuyển bởi các hãng hàng không Việt Nam trong 12/2016 theo CAAV. Công ty tập trung vào cung cấp các dịch vụ bay tầm ngắn và trung với tần

suất cao trên các đường bay nội địa và quốc tế, và đã triển khai thành công mô hình LCC hiệu quả dựa trên cung cấp các dịch vụ chất lượng cao với mức giá cạnh tranh.

Tính đến 31/12/2016, VietJet có tổng cộng 05 căn cứ khai thác: Tp.HCM, Hà Nội, Đà Nẵng, Nha Trang và Hải Phòng, khai thác 37 đường bay nội địa, 23 đường bay quốc tế và nhiều tuyến bay thuê chuyến. Mạng đường bay của Công ty tập trung vào các tuyến đường bay ngắn và tầm trung đến các sân bay trong và xung quanh các tỉnh, thành phố đông dân cư và các điểm đến du lịch tại Việt Nam, trung bình khoảng 900km cho các đường bay nội địa và 2.200 km cho các đường bay quốc tế với khoảng thời gian bay bình quân tương ứng là 1 giờ 45 phút và 3 giờ bay. Các thị trường quốc tế chiến lược quan trọng bao gồm Thái Lan, Myanmar, Đài Loan, Trung Quốc, Singapore và Hàn Quốc.

VietJet dự kiến sẽ tăng số đường bay nội địa lên 45 đường bay vào năm 2019 và tăng số đường bay quốc tế lên 36 đường bay vào năm 2018. Công ty cũng sẽ tăng tần suất chuyến bay ở các đường bay đang khai thác, gồm Tp.HCM – Hà Nội, Tp.HCM – Đà Nẵng và Hà Nội – Đà Nẵng; các đường bay này tổng cộng đóng góp hơn 40.5% lượt vận chuyển của Công ty trong năm 2016.

8. Doanh thu, chi phí của Công ty qua các năm

8.1 Doanh thu:

Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ doanh thu hoạt động vận chuyển hành khách, doanh thu hoạt động phụ trợ và doanh thu từ hoạt động chuyển giao sở hữu và thuê máy bay.

Tổng doanh thu của Công ty tăng 38,7% từ 19.845,5 tỷ đồng trong năm 2015 lên 27.532,1 tỷ đồng trong năm 2016, trong đó Doanh thu từ hoạt động vận chuyển hành khách đạt 12.008,3 tỷ đồng năm 2016, tăng trưởng 40,6 % so với năm 2015 do Công ty tăng cường đẩy mạnh hoạt động vận chuyển hành khách quốc tế và cho thuê chuyến quốc tế. Doanh thu từ hoạt động phụ trợ đạt 3.529,7 tỷ đồng năm 2016, tăng trưởng 42,6% so với năm 2015. Tỷ trọng doanh thu hoạt động phụ trợ trên tổng doanh thu của Công ty ngày càng tăng, chiếm 22,3% tổng doanh thu của Công ty trong năm 2016. Doanh thu từ hoạt động chuyển giao sở hữu và thuê máy bay đạt 11.709,9 tỷ đồng năm 2016, tăng trưởng 33,6% so với năm 2015, do đội máy bay của Công ty tăng thêm 10 máy bay chuyển giao sở hữu và thuê máy bay trong năm 2016.

Tổng doanh thu của Công ty tăng 127,9% từ 8.706,3 tỷ đồng trong năm 2014 lên 19.845,5 tỷ đồng trong năm 2015, trong đó Doanh thu từ hoạt động vận chuyển hành khách đạt 8.542,7 tỷ đồng năm 2015, tăng trưởng 48,8% so với năm 2014. Doanh thu hoạt động phụ trợ: đạt 3.474,7 tỷ đồng năm 2015, tăng trưởng 108,7% so với 2015. Doanh thu hoạt động chuyển giao sở hữu và thuê máy bay: đạt 8.766,2 tỷ đồng năm 2015, tăng trưởng 398,1% so với năm 2014, do đội tàu tăng thêm 9 máy bay SLB trong năm 2015.

8.2 Chi phí sản xuất kinh doanh:

Các thành phần chi phí chủ yếu của giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của máy bay đã bán, chi phí nhiên liệu máy bay, chi phí thuê máy bay, chi phí dịch vụ mặt đất và khai thác bay, chi phí nhân viên, chi phí khấu hao phân bổ và chi phí bảo trì máy bay. Số lượng máy bay tăng lên là nguyên nhân chính dẫn đến giá vốn hàng bán năm 2016 tăng tương ứng so với số lượng máy bay so với năm 2015. Số lượng máy bay do Công ty sở hữu tăng làm tăng giá vốn của máy bay đã bán theo mô hình SLB. Số lượng máy bay thuê khai thác tăng làm tăng chi phí thuê qua các kỳ so sánh. Chi phí nhân viên cũng tăng tương ứng vì Công ty phải bổ sung thêm nhân sự đáp ứng cho mở rộng mạng lưới đường bay. Tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần đã giảm nhẹ trong năm 2016, ở mức 87,3% so với mức 89,4% của năm 2015.

Chi phí bán hàng năm 2016 tăng so với năm 2015 do tăng chi phí quảng cáo khi mở các đường bay mới, đặc biệt là các tuyến bay quốc tế. Điều này đã dẫn đến tỷ lệ chi phí bán hàng so với doanh thu thuần năm 2016 tăng nhẹ so với năm 2015. Ngược lại, tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần giảm xuống còn 0,7% trong năm 2016 so với mức 1,0% năm 2015, phù hợp với chiến lược tối ưu hóa số lượng nhân viên của các phòng ban quản lý của Công ty.

Chi phí tài chính trong năm 2016 tăng nhẹ so với trong năm 2015 do Công ty tăng các khoản vay ngắn hạn dùng để bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho hoạt động PDP (Pre Delivery Payment). Tuy nhiên, tỷ lệ chi phí tài chính trên doanh thu thuần cũng giảm từ 2,8% năm 2015 xuống còn 2,2% năm 2016 do trong năm 2016 doanh thu thuần tăng nhanh hơn so với chi phí tài chính.

8.3 Nguyên vật liệu

Nguyên nhiên vật liệu chính phục vụ cho hoạt động của VietJet chủ yếu là nhiên liệu máy bay, nhiên liệu cho phương tiện vận tải mặt đất (xăng, dầu) và dầu mỡ phụ. Tỷ trọng chi phí nhiên liệu trong giai đoạn 2014 – 2016 chiếm bình quân 24.3% tổng chi phí hoạt động.

Chi phí nhiên liệu máy bay chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí hoạt động của VietJet 21,2% năm 2016, 22,0% năm 2015 và 39,1% năm 2014. Do đó, giá nhiên liệu máy bay là một trong những nguyên nhân chính tác động tới chi phí nhiên liệu của VietJet.

8.4 Trình độ công nghệ:

Ứng dụng công nghệ tiên tiến là bước đột phá của Công ty so với các đối thủ trên thị trường. Công ty hiện sử dụng trên 20 phần mềm tiên tiến để quản lý các hoạt động của mình.

Hệ thống đặt vé của Công ty được phát triển và quản lý bởi Intelisys (Canada) . Nhằm quản lý rủi ro, phát hiện gian lận thẻ tín dụng và xác minh giao dịch đặt vé qua internet, Công ty sử dụng phần mềm Gatekeepers do Mastercard cung cấp. Mastercard là một trong những nhà cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng hàng đầu trên thế giới. Đơn vị này xử lý khoảng 30 triệu giao dịch/1 tháng cho hơn 30.000 công ty trên

180 nước trên thế giới. Bên cạnh đó, Công ty sử dụng phần mềm Aviator để quản trị và tối ưu hóa doanh thu các chuyến bay.

Các hoạt động phân tích chuyến bay và an toàn bay được quản lý bởi hệ thống phần mềm EFB (Electronic Flight Bag) do Airbus cung cấp. EFB giúp tổ lái được cập nhật tức thời các thông tin liên quan đến an toàn bay và điều hành bay.

Đối với việc quản lý các hoạt động khai thác, Công ty sử dụng phần mềm Geneva. Phần mềm này giúp công ty tối ưu hóa các nguồn lực của mình về lịch trình chuyến bay, lịch trình của phi hành đoàn, xử lý gián đoạn các chuyến bay và kiểm soát thời gian bay. Công ty sử dụng hệ thống SunSystems quản lý quy trình mua sắm, tài chính kế toán. Ngoài ra công ty còn ứng dụng phần AMOS để quản lý vật tư, phụ tùng máy bay.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

Trong năm 2012, theo SAP, tỷ lệ khách hàng di chuyển bằng đường hàng không trong tổng dân số Việt Nam là 0,5% và 6 tháng 2016 tỷ lệ này là 0,8%. Điều này phản ánh xu hướng thay thế đường bộ, đường thủy và đường sắt bằng đường hàng không ngày một tăng. Số liệu của CAAV cho thấy VietJet đã đóng góp 65% vào tỷ lệ tăng trưởng khách vận chuyển hàng không nội địa trong giai đoạn 2012-2015; theo đó, năm 2015 thị trường hàng không nội địa tăng trưởng 9,1 triệu lượt khách so với 2012, mức tăng trưởng này chủ yếu nhờ vào 7,1 triệu lượt khách tăng lên của Công ty trong cùng thời kỳ. Tính đến ngày 31/12/2016, độ tuổi trung bình của đội máy bay Công ty đang khai thác là 3,03 năm và là một trong những đội máy bay trẻ nhất trong số những hãng hàng không chi phí thấp trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương theo báo cáo của SAP. Máy bay trẻ hơn có xu hướng tiết kiệm nhiên liệu hơn và có chi phí bảo dưỡng thấp hơn sẽ đóng góp vào khả năng sinh lời của Công ty.

10. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm
	2014	2015	2016	2014	2015	2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,00	0,98	0,96	1,00	0,90	0,83
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,98	0,95	0,95	0,97	0,88	0,82
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
Hệ số nợ/Tổng tài sản (%)	87,4	82,2	77,3	87,9	86,8	83,5
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	694,2	460,9	340,2	723,8	658,7	504,4
Tổng nợ vay / Vốn chủ sở hữu	2,7	1,7	1,5	2,8	2,2	2,2
Tổng nợ ròng* / Vốn chủ sở hữu	2,1	1,2	0,9	2,2	1,7	1,4
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (vòng)						
Vòng quay hàng tồn kho	101,4	137,5	164,72	79,3	73,2	93,4

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm
	2014	2015	2016	2014	2015	2016
Vòng quay tổng tài sản	1,6	2,0	1.72	1,3	1,1	1,0
Vòng quay các khoản phải thu	1,9	3,2	2.77	1,5	1,8	1,7
Vòng quay các khoản phải trả	1,7	2,1	1.90	1,4	1,1	1,1

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	4,1	5,9	8.3	4,7	5,9	9,0
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	45,8	75,2	68.6	42,7	51,7	61,0
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (%)	6,8	11,9	14.3	6,2	6,6	9,3
Hệ số Lợi nhuận từ Hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	4,7	5,8	8.6	5,4	5,8	9,5
Tỷ suất lợi nhuận gộp	10,1	10,6	12,7	12,0	14,3	13,8

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2014, 2015 và BCTC riêng và hợp nhất năm 2016 của VJC

10. Danh mục các các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện

Các hợp đồng lớn tiêu biểu đến 31/12/2016

STT	Nhà cung cấp	Hợp đồng	Giá trị	Ngày ký hợp đồng	Hiệu lực
1	AVAP Leasing (ASIA) IV Limited	Chuyển giao và thuê lại máy bay	Hợp đồng khung	24/8/2016	12 năm
2	The Boeing Company	Mua máy bay	Hợp đồng khung	22/05/2016	Không thời hạn
3	AIR VIA LTD	Thuê máy bay	Hợp đồng khung	13/1/2016	1 tháng
4	Celestial Aviation Trading Limited	Thuê máy bay	Hợp đồng khung	6/11/2015	6 năm
5	Awas Aviation Trading Limited	Chuyển giao và thuê lại máy bay	Hợp đồng khung	27/09/2015	12 năm
6	1. Tổng công ty bảo hiểm Bảo Việt 2. PVI 3. Tổng CTCP Bảo hiểm toàn cầu	Bảo hiểm máy bay	Hợp đồng khung	15/07/2015	30/06/2017

STT	Nhà cung cấp	Hợp đồng	Giá trị	Ngày ký hợp đồng	Hiệu lực
7	ACG AIRCRAFT LEASING IRELAND LIMITED	Chuyển giao và thuê lại máy bay	Hợp đồng khung	6/2/2015	12 năm
8	Swiss Aviation Software Ltd	Phần mềm kỹ thuật	Hợp đồng khung	07/12/2014	Không thời hạn
9	Jackson Square Aviation Ireland Limited	Chuyển giao và thuê lại máy bay	Hợp đồng khung	6/11/2014	12 năm
10	CIT Aerospace International	Thuê máy bay	Hợp đồng khung	8/4/2014	6 năm
11	GE Capital Aviation Services Limited	Chuyển giao và thuê lại máy bay	Hợp đồng khung	20/02/2014	12 năm
12	Maximation	Quản trị doanh thu	Hợp đồng khung	13/02/2014	Không thời hạn
13	AIRBUS S.A.S	Mua máy bay	Hợp đồng khung	20/12/2013	Không thời hạn
14	Công Ty Cổ Phần Nhiên Liệu Bay Petrolimex	Mua bán xăng dầu JET A-1	Hợp đồng khung	30/03/2013	Không thời hạn
15	Công ty phục vụ mặt đất Sài Gòn (SAGS)	Phục vụ mặt đất chuẩn IATA	Hợp đồng khung	04/01/2013	Không thời hạn
16	CIT Aviation Finance II (Ireland) Limited	Thuê máy bay	Hợp đồng khung	9/2012	4 năm
17	Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam (ACV)	Phục vụ mặt đất	Hợp đồng khung	25/09/2012	Không thời hạn
18	Osprey Aircraft Leasing Limited (Eighteen)	Thuê máy bay	Hợp đồng khung	28/10/2011	98 tháng
19	Intelisys Aviation Systems	Hệ thống đặt chỗ	Hợp đồng khung	20/05/2008	Không thời hạn

Nguồn: VJC

11. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Năm 2016, VietJet ghi nhận 27,5 nghìn tỷ đồng doanh thu thuần và gần 2,3 nghìn tỷ đồng lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ, tương ứng lần lượt với mức tăng 38,7% và 95,8% so với cùng kỳ, chủ yếu do:

- Doanh thu từ hoạt động vận chuyên hành khách đạt 12,0 nghìn tỷ đồng năm 2016, tăng trưởng 40,6 % so với năm 2015 do Công ty tăng cường đẩy mạnh hoạt động vận chuyên hành khách quốc tế và cho thuê chuyên quốc tế. Tổng lượng hành khách vận chuyên tăng từ 9,3 triệu lượt khách trong năm 2015 lên 14,05 triệu lượt khách trong năm. Công ty vẫn duy trì hệ số sử dụng ghế ở mức độ cao bình quân cả năm 2016 là 88%.

- Hoạt động chuyên giao sở hữu và thuê máy bay tăng trưởng 33,6% so với năm 2015, do đội tàu của công ty tăng thêm 10 máy bay SLB trong năm 2016. VietJet bắt đầu thực hiện các giao dịch SLB từ năm 2014 và sẽ tiếp tục thực hiện các giao dịch này cho đến khi nhận đủ các máy bay theo hợp đồng mua máy bay với Airbus và Boeing vào năm 2023. Kết quả các giao dịch SLB đã tạo lợi thế tài chính cho VietJet là 50,6 tỷ đồng trong năm 2014; 518,4 tỷ đồng trong năm 2015 và 1.330,5 tỷ đồng trong năm 2016.

- Chi phí giảm do chi phí vận hành, chi phí quản lý, chi phí bán hàng trên đơn vị vận chuyên giảm do Công ty tăng cường quản lý và kiểm soát chi phí đã giúp Công ty giảm đáng kể chi phí và giúp lợi nhuận tăng trưởng vượt bậc.

Trong năm 2016, Công ty tăng vốn điều lệ thông qua việc: (i) chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng với tỷ lệ chi trả 33%, (ii) chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ chi trả 25% và (iii) chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng với tỷ lệ chi trả 20%. Chính vì điều này đã làm cho vốn chủ sở hữu của Công ty tăng. Tại thời điểm 31/12/2016, vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 4.524.7 tỷ đồng so với 2.147,4 tỷ đồng tại 31/12/2015.

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Hợp nhất			
		Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm 2016 so với 2015
1	Tổng tài sản	7.677.073	12.044.864	19.916.414	65,4%
2	Vốn chủ sở hữu	966.656	2.147.440	4.524.703	110,7%
3	Doanh thu thuần	8.706.267	19.845.479	27.532.073	38,7%
4	Lợi nhuận từ HĐKD	408.895	1.160.243	2.363.091	103,7%
5	Lợi nhuận khác	35.425	8.239	31.589	283,4%
6	Lợi nhuận trước thuế	444.320	1.168.483	2.394.680	104,9%

ST T	Chỉ tiêu	Hợp nhất			
		Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm 2016 so với 2015
7	Lợi nhuận sau thuế	360.150	1.170.632	2.289.866	95,6%
8	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	360.423	1.170.253	2.291.711	95,8%
9	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)	3.604	5.915	8.726	47,5%
10	Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	25%	50%	25%	(50,0%)
11	LNST/Vốn chủ sở hữu (%)	45,8%	75,2%	68,6%	(8,7%)
12	LNST/Vốn điều lệ (%)	45,0%	80,7%	76,3%	(5,5%)

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016, 2017

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Giá trị	% +/- so với năm 2016	Giá trị	% +/- so với năm 2017	Giá trị	% +/- so với năm 2018
1	DTT	42.018.344	49%	48.766.502	16%	56.998.121	17%
2	LNST	3.395.007	64%	4.406.146	30%	4.950.181	12%
3	Vốn CSH	9.867.632	130%	13.255.390	34%	16.843.105	27%
4	LNST / DTT	8.1%	-0.2%	9.0%	0,9%	8.7%	-0.3%
5	LNST / VCSH	48%	-20.7%	38.1%	-9.9%	32.9%	-5.2%
6	Cổ tức	50%		50%	-	50%	-

Nguồn: VJC

Công ty đã có kế hoạch tăng số lượng máy bay từ 41 máy bay vào thời điểm 31/12/2016 lên 78 máy bay vào cuối năm 2019. Để đạt được kế hoạch kinh doanh đề ra, VietJet đã ký kết các đơn đặt hàng chắc chắn cho 119 máy bay Airbus dòng A320 và 100 máy bay Boeing 737

MAX 200. Nguồn vốn để Công ty thanh toán việc mua máy bay dự kiến là từ: (i) vốn tự có của Công ty và vay ngân hàng và (ii) thông qua nghiệp vụ SLB.

Công ty cũng sẽ tiếp tục nghiên cứu và cho ra đời nhiều sản phẩm và dịch vụ mới phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh. Các sản phẩm của Công ty sẽ tạo ra sự khác biệt và vượt trội về mặt dịch vụ trong khi vẫn phù hợp với khả năng chi trả của đại đa số khách hàng. Ngoài ra, thương hiệu VietJet đã được khách hàng tin tưởng nên với những yếu tố trên thì Công ty tin tưởng rằng doanh thu những năm tiếp theo sẽ tăng so với những năm trước. Chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch sẽ tăng phù hợp với định hướng của Công ty trong việc kiểm soát chi phí cũng như chiến lược mua nhiên liệu đầu vào một cách chủ động.

Kế hoạch kinh doanh năm 2017, 2018, 2019 được Công ty xây dựng trên quan điểm thận trọng dựa trên phân tích điều kiện kinh tế hiện tại và trong tương lai cũng như sự cạnh tranh trong ngành. Công ty tin tưởng rằng với những lợi thế của riêng mình như giá vé máy bay hợp lý, nhiều gói dịch vụ đa dạng, chất lượng dịch vụ vượt trội cũng như sự ổn định của nền kinh tế trong tương lai thì kế hoạch của Công ty là có thể hoàn toàn đạt được.

Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Trong Quý 1/2017, Công ty dự kiến sẽ phát hành cổ phần riêng lẻ để tăng vốn điều lệ từ 3.000.000.000.000 đồng lên 3.223.880.600.000 đồng. Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành này sẽ được dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty.